

Số: 6135/QĐ-UBND

Quận 3, ngày 28 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia  
TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân Quận 3 năm 2022

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của  
Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ  
chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của  
Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố mô hình khung hệ thống quản lý  
chất lượng;

Căn cứ Công văn số 2554/SKHCN-TĐC ngày 09 tháng 11 năm 2018 của  
Sở Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia  
TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Công văn số 143/SKHCN-TĐC ngày 19 tháng 01 năm 2022 của  
Sở Khoa học và Công nghệ về việc triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số  
19/2014/QĐ-TTg;

Căn cứ Công văn số 455/SKHCN-TĐC ngày 23 tháng 02 năm 2022 của  
Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố về việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải  
tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 1555/KH-UBND ngày 13/5/2022 của Ủy ban  
nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý  
chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của  
các cơ quan tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3 về việc Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý  
chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của  
các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Quận 3 năm 2022;

Căn cứ hồ sơ kết quả đánh giá nội bộ và Biên bản họp xem xét lãnh đạo  
về Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015  
ngày 16 tháng 9 năm 2022;

Ngày 1 tháng 1 năm 2012

Số 123/QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố lại hệ thống phân ly chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia  
TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân Quận 1 năm 2012

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 13 tháng 6 năm 2012;  
Luật này, để công bố lại hệ thống phân ly chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia  
TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân Quận 1 năm 2012.

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-TT ngày 02 tháng 3 năm 2011 của  
Thị trưởng Thành phố về việc áp dụng hệ thống phân ly chất lượng theo  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ  
chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BHXH ngày 31 tháng 01 năm 2012 của  
Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố mã hành lang hệ thống phân ly  
chất lượng.

Căn cứ Công văn số 134/2011/CV-TĐC ngày 09 tháng 11 năm 2011 của  
Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia  
TCVN ISO 9001:2015.

Căn cứ Công văn số 143/2011/CV-TĐC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của  
Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phân loại mã hành lang hệ thống phân ly  
chất lượng.

Căn cứ Công văn số 45/2011/CV-TĐC ngày 11 tháng 01 năm 2012 của  
Bộ Khoa học và Công nghệ Thành phố về việc hướng dẫn áp dụng tiêu chí và các  
tiêu chí đánh giá hệ thống phân ly chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2012.

Căn cứ Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 13/02/2012 của Ủy ban  
nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai việc áp dụng hệ thống phân ly  
chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của  
các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước năm 2012.

Căn cứ Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2012 của  
Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc lập và áp dụng hệ thống phân ly  
chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của năm 2012.  
sau đó phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban Quận 1 năm 2012.

Căn cứ kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2012 của  
Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc lập và áp dụng hệ thống phân ly  
chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của năm 2012.  
ngày 10 tháng 9 năm 2012.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 1061/TTr-PNV ngày 26 tháng 9 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 3 theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động Quản lý nhà nước (Đính kèm Bản công bố, Phụ lục danh mục các quy trình thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân Quận 3 được ban hành theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về việc công bố, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân Quận 3 năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN: Chi cục TCĐLCL (Để báo cáo);
- SNV TP: P. CCHC;
- TT.UBND: CT, các PCT;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận;
- Lưu: VT, PNV, Nhân.



CHỦ TỊCH

Võ Văn Đức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BẢN CÔNG BỐ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 3 phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân Quận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6135/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Quận 3, ngày 28 tháng 9 năm 2022 *neu*

CHỦ TỊCH



*[Signature]*  
Võ Văn Đức

## BẢN CÔNG BỐ

### CÔNG TỊCH TỬ BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Công bố lại hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 3 theo hợp đồng chuẩn được gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân Quận 3.

Được ban hành theo Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 3.

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Quận 3, ngày 15 tháng 9 năm 2023

CÔNG TỊCH



T. Văn Đức



ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3 ĐƯỢC BAN HÀNH**  
**THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6135/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân Quận 3)

**Phần A. Tài liệu khung HTQLCL**

| Stt | Tên tài liệu                                                                     | Mã hiệu    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1.  | Mô hình (Sổ tay chất lượng) hệ thống quản lý chất lượng                          | STCL01/VP  |
| 2.  | Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản                                       | QTBB 01/VP |
| 3.  | Quy trình nhận diện rủi ro và xử lý các rủi ro và cơ hội                         | QTBB 02/VP |
| 4.  | Quy trình xem xét hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 | QTXXLD/ISO |
| 5.  | Quy trình đánh giá nội bộ                                                        | QTBB 03/VP |
| 6.  | Quy trình Kiểm soát sự không phù hợp và Hành động khắc phục                      | QTBB 04/VP |

**Phần B. Quy trình giải quyết Thủ tục hành chính**

| STT                                                                                                                             | Tên Quy trình                                                                                                                                                                  | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|
| I. Lĩnh vực Tổ chức phi Chính phủ (Quyết định số 5456/QĐ-UBND ngày 17/10/2016)                                                  |                                                                                                                                                                                |                 |                                                            |
| 1.                                                                                                                              | Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong quận - huyện; phường – xã, thị trấn                                                                            | Phòng Nội vụ    | Có QTNB của TP theo Quyết định 2162/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 |
| 2.                                                                                                                              | Đăng ký tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường có phạm vi hoạt động trong quận – huyện, phường – xã, thị trấn (dùng cho đơn vị tổ chức Đại hội từ nhiệm kỳ thứ 2 trở đi) | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 3.                                                                                                                              | Phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong quận – huyện; phường – xã, thị trấn                                                                                           | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| II. Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo (Quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố) |                                                                                                                                                                                |                 |                                                            |
| 4.                                                                                                                              | Đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện             | Phòng Nội vụ    | Có QTNB của TP theo Quyết định 2162/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 |
| 5.                                                                                                                              | Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện                                                                       | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 6.                                                                                                                              | Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn                                                                                                                           | Phòng Nội vụ    |                                                            |

| STT                                                                                                                                                                     | Tên Quy trình                                                                            | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                         | giáo, địa điểm họp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện                         |                 |                                                            |
| III. Lĩnh vực cán bộ, công chức (Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)                                            |                                                                                          |                 |                                                            |
| 7.                                                                                                                                                                      | Tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển                                       | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 8.                                                                                                                                                                      | Thi tuyển công chức                                                                      | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 9.                                                                                                                                                                      | Thi nâng ngạch công chức                                                                 | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 10.                                                                                                                                                                     | Công nhận phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã            | Phòng Nội vụ    | Có QTNB của TP theo Quyết định 2162/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 |
| 11.                                                                                                                                                                     | Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã    | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| IV. Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)                                         |                                                                                          |                 |                                                            |
| 12.                                                                                                                                                                     | Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về công trạng và thành tích               | Phòng Nội vụ    | Có QTNB của TP theo Quyết định 2162/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 |
| 13.                                                                                                                                                                     | Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 14.                                                                                                                                                                     | Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích đột xuất                    | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 15.                                                                                                                                                                     | Công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”                                             | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 16.                                                                                                                                                                     | Công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”                                         | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 17.                                                                                                                                                                     | Công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”                                                 | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| V. Lĩnh vực thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính (Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố) |                                                                                          |                 |                                                            |
| 18.                                                                                                                                                                     | Thẩm định thành lập tổ chức hành chính                                                   | Phòng Nội vụ    | Có QTNB của TP theo Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 07/3/2022  |
| 19.                                                                                                                                                                     | Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính                                                 | Phòng Nội vụ    |                                                            |
| 20.                                                                                                                                                                     | Thẩm định giải thể tổ chức hành chính                                                    | Phòng Nội vụ    |                                                            |

| STT                                                                                                                                                                                                             | Tên Quy trình                                                                                                                                                                                     | Phòng thực hiện                                            | Ghi chú                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| VI.Lĩnh vực thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập(Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)                                   |                                                                                                                                                                                                   |                                                            |                                                             |
| 21.                                                                                                                                                                                                             | Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập                                                                                                                                                     | Phòng Nội vụ                                               | Có QTNB của TP theo Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 07/3/2022   |
| 22.                                                                                                                                                                                                             | Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập                                                                                                                                                   | Phòng Nội vụ                                               |                                                             |
| 23.                                                                                                                                                                                                             | Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập                                                                                                                                                      | Phòng Nội vụ                                               |                                                             |
| VII. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp (Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/4/2020, Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 25/01/2021, Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 13/7/2021, Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 15/4/2022) |                                                                                                                                                                                                   |                                                            |                                                             |
| 24.                                                                                                                                                                                                             | Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập                                                                                                                                                      | Phòng LĐTĐ&XH                                              |                                                             |
| 25.                                                                                                                                                                                                             | Thay thế Chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập                                                                                                                          | Phòng LĐTĐ&XH                                              |                                                             |
| 26.                                                                                                                                                                                                             | Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập                                                                                                             | Phòng LĐTĐ&XH                                              |                                                             |
| 27.                                                                                                                                                                                                             | Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực                                                                                                                                         | Phòng LĐTĐ&XH                                              | Có QTNB của TP theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 |
| 28.                                                                                                                                                                                                             | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài | Phòng LĐTĐ&XH                                              | Có QTNB của TP theo Quyết định 941/QĐ-UBND ngày 31/3/2022   |
| 29.                                                                                                                                                                                                             | Xét, cấp học bổng chính sách                                                                                                                                                                      | Phòng LĐTĐ&XH<br>Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 |                                                             |
| VIII.Lĩnh vực bảo trợ xã hội (Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10/10/2016, Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018, Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 08/5/2019)                                                 |                                                                                                                                                                                                   |                                                            |                                                             |

| STT                                                                                                                             | Tên Quy trình                                                                                                                                                                              | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
| 30.                                                                                                                             | Đăng ký thành lập, Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội | Phòng LĐTB&XH   | Có QTNB của TP theo Quyết định 4593/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 |
| 31.                                                                                                                             | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội                                                                          | Phòng LĐTB&XH   |                                                             |
| 32.                                                                                                                             | Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc                                                                               | Phòng LĐTB&XH   | Có QTNB của TP theo Quyết định 941/QĐ-UBND ngày 31/3/2022   |
| 33.                                                                                                                             | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ cấp xã hội cấp huyện                                                                                                                 | Phòng LĐTB&XH   | Có QTNB QĐ 941/QĐ-UBND ngày 31/3/2022                       |
| <b>IX. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em</b> (Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018)                                          |                                                                                                                                                                                            |                 |                                                             |
| 34.                                                                                                                             | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                                                                                                                                 | Phòng LĐTB&XH   | Có QTNB của TP theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 |
| 35.                                                                                                                             | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                                                                           | Phòng LĐTB&XH   |                                                             |
| <b>X. Lĩnh vực Lao động – Tiền lương</b> (Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 13/7/2021, Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 21/01/2022) |                                                                                                                                                                                            |                 | Có QTNB của TP theo Quyết định 941/QĐ-UBND ngày 31/3/2022   |
| 36.                                                                                                                             | Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp                                                                                                                                                  | Phòng LĐTB&XH   |                                                             |
| 37.                                                                                                                             | Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19                                                                           | Phòng LĐTB&XH   |                                                             |
| 38.                                                                                                                             | Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19                                                                                                                                      | Phòng LĐTB&XH   |                                                             |

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tên Quy trình                                                                                                                                                         | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|
| <b>XI. Lĩnh vực Việc làm</b> (Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 30/5/2022)                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                       |                 |                                                            |
| 39.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp                                                                                              | Phòng LĐTB&XH   |                                                            |
| 40.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động quay trở lại thị trường lao động                                                                                              | Phòng LĐTB&XH   |                                                            |
| <b>XII. Lĩnh vực Chính sách NCC</b> (Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 19/01/2017)                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                       |                 |                                                            |
| 41.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ                                                                                          | Phòng LĐTB&XH   |                                                            |
| 42.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình                                                                                                       | Phòng LĐTB&XH   |                                                            |
| 43.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Di chuyển hài cốt liệt sĩ                                                                                                                                             | Phòng LĐTB&XH   |                                                            |
| 44.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giải quyết chế độ đối với người hưởng chính sách như thương binh (trường hợp người bị thương thuộc cơ quan cấp huyện hoặc cấp xã và các trường hợp đóng trên địa bàn) | Phòng LĐTB&XH   |                                                            |
| <b>XIII. Phòng Chống tệ nạn xã hội</b> (QĐ 2570/QĐ-UBND ngày 29/7/2022)                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                       |                 |                                                            |
| 45.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                            | Phòng LĐTB&XH   |                                                            |
| 46.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                                     | Phòng LĐTB&XH   |                                                            |
| <b>XIV. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo</b> (Quyết định số 6440/QĐ-UBND ngày 19/01/2017, Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 01/9/2017, Quyết định số 6046 /QĐ-UBND ngày 28/12/2018, Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/5/2019, Quyết định số 5070/QĐ-UBND ngày 28/11/2019, Quyết định 1405/QĐ-UBND ngày 29/4/2020, Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 25/01/2021) |                                                                                                                                                                       |                 |                                                            |
| 47.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục                         | Phòng GD&ĐT     | Có QTNB của TP theo Quyết định 3453/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 |
| 48.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục                                                                                                  | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 49.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.                                                                                                        | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 50.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại                                                                                          | Phòng GD&ĐT     | Có QTNB của TP theo Quyết định 3453/QĐ-                    |
| 51.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                                                                                                     | Phòng GD&ĐT     |                                                            |

| STT | Tên Quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 | UBND ngày 22/9/2020                                        |
| 52. | Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục                                                                                                                                                                                                                                             | Phòng GD&ĐT     | Có QTNB của TP theo Quyết định 3453/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 |
| 53. | Cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 54. | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 55. | Giải thể hoạt động trường tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 56. | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục                                                                                                                                                                                                                               | Phòng GD&ĐT     | Có QTNB của TP theo Quyết định 3453/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 |
| 57. | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 58. | Giải thể hoạt động trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)                                                                                                                                                                                                                                 | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 59. | Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phòng GD&ĐT     | Có QTNB của TP theo Quyết định 3453/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 |
| 60. | Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 61. | Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông trung học bán trú và trung tâm học tập cộng đồng) | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 62. | Thành lập trung tâm học tập cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 63. | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại                                                                                                                                                                                                                                                                         | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 64. | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 65. | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Phòng GD&ĐT     |                                                            |
| 66. | Cấp chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                | Phòng GD&ĐT     |                                                            |

| STT                                                                                                                                        | Tên Quy trình                                                                                                                                                                                                             | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
| 67.                                                                                                                                        | Cấp chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                                                                                                                          | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| 68.                                                                                                                                        | Cấp chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                                                                                                                         | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| 69.                                                                                                                                        | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia                                                                                                                                                                               | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| 70.                                                                                                                                        | Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia                                                                                                                                                                              | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| 71.                                                                                                                                        | Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia                                                                                                                                                                             | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| 72.                                                                                                                                        | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục                                                                                               | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| 73.                                                                                                                                        | Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên                                                                                                                                               | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| 74.                                                                                                                                        | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận                                            | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| 75.                                                                                                                                        | Chuyển đổi trường phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | Phòng GD&ĐT     |                                                             |
| <b>XV. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh</b> (Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố)       |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                                             |
| 76.                                                                                                                                        | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh                                                                                                                                                                                           | Phòng Kinh tế   | Có QTNB của TP theo Quyết định 4438/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 |
| 77.                                                                                                                                        | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                                           | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 78.                                                                                                                                        | Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                                                                         | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 79.                                                                                                                                        | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                                             | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 80.                                                                                                                                        | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                                                                          | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| <b>XVI. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b> (Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17/01/2019, Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 24/11/2021) |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                                             |
| 81.                                                                                                                                        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                                                                                 | Phòng Kinh tế   | Có QTNB của TP theo                                         |

| STT                                                                                                                                   | Tên Quy trình                                                                                                                                                                   | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
| 82.                                                                                                                                   | Cấp Lại Giấy Chứng Nhận Đủ Điều Kiện Cửa Hàng Bán Lẻ Lpg Chai                                                                                                                   | Phòng Kinh tế   | Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019                     |
| 83.                                                                                                                                   | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                            | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 84.                                                                                                                                   | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                                         | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 85.                                                                                                                                   | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                                                                                       | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 86.                                                                                                                                   | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                                                                      | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 87.                                                                                                                                   | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                                                                                   | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 88.                                                                                                                                   | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                                                          | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 89.                                                                                                                                   | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                                                      | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| <b>XVII. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b> (Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 24/11/2021)                                              |                                                                                                                                                                                 |                 |                                                             |
| 90.                                                                                                                                   | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                  | Phòng Kinh tế   | Có QTNB của TP theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 |
| 91.                                                                                                                                   | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                                   | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 92.                                                                                                                                   | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                               | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| <b>XVIII. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã</b> (Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố) |                                                                                                                                                                                 |                 |                                                             |
| 93.                                                                                                                                   | Đăng ký thành lập hợp tác xã                                                                                                                                                    | Phòng Kinh tế   | Có QTNB của TP theo Quyết định 4826/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 |
| 94.                                                                                                                                   | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                             | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 95.                                                                                                                                   | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                    | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 96.                                                                                                                                   | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                             | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 97.                                                                                                                                   | Đăng ký khi hợp tác xã chia                                                                                                                                                     | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 98.                                                                                                                                   | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) | Phòng Kinh tế   |                                                             |

| STT                                                                                                                     | Tên Quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
| 99.                                                                                                                     | Giải thể tự nguyện hợp tác xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 100.                                                                                                                    | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 101.                                                                                                                    | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 102.                                                                                                                    | Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 103.                                                                                                                    | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phòng Kinh tế   | Có QTNB của TP theo Quyết định 4826/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 |
| 104.                                                                                                                    | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| 105.                                                                                                                    | Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phòng Kinh tế   |                                                             |
| <b>XIX. Lĩnh vực liên thông Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh</b><br>(Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 13/6/2018) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |                                                             |
| 106.                                                                                                                    | Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh, đăng ký thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phòng Kinh tế   | Có QTNB của TP theo Quyết định 1422/QĐ-UBND ngày 28/4/2020  |
| <b>XX. Lĩnh vực Phát triển nông thôn</b> (Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 18/3/2016)                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |                                                             |
| 107.                                                                                                                    | Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho hợp tác xã thành lập mới (đối với lĩnh vực nông nghiệp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phòng Kinh tế   | Có QTNB của TP theo Quyết định 4826/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 |
| <b>XXI. Lĩnh vực Cấp phép xây dựng</b> (Quyết định số 6070/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |                                                             |
| 108.                                                                                                                    | Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình (các công trình còn lại không theo tuyến không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Đầu tư – Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Ban Quản lý Đầu tư – Xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý | Phòng QLĐT      | Có QTNB của TP theo Quyết định 2543/QĐ-UBND ngày 15/7/2020  |

| STT                                                                                                                                               | Tên Quy trình                                                                                                                                                                                                                       | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                   | Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh; công trình tín ngưỡng, công trình quảng cáo, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)                                                                                                         |                 |                                                             |
| 109.                                                                                                                                              | Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với nhà ở riêng lẻ                                                                                                                                                                           | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 110.                                                                                                                                              | Cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ                                                                                                                                                                                       | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 111.                                                                                                                                              | Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo                                                                                                                                                                         | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 112.                                                                                                                                              | Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời                                                                                                                                                                                    | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 113.                                                                                                                                              | Điều chỉnh giấy phép xây dựng                                                                                                                                                                                                       | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 114.                                                                                                                                              | Gia hạn giấy phép xây dựng                                                                                                                                                                                                          | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 115.                                                                                                                                              | Cấp lại Giấy phép xây dựng                                                                                                                                                                                                          | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 116.                                                                                                                                              | Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp xây dựng mới công trình (công trình không theo tuyến; công trình theo tuyến trong đô thị; công trình tín ngưỡng; công trình quảng cáo và công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động) | Phòng QLĐT      |                                                             |
| <b>XXII. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị</b> (Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 25/12/2019)                                                        |                                                                                                                                                                                                                                     |                 |                                                             |
| 117.                                                                                                                                              | Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị                                                                                                                                                                                  | Phòng QLĐT      |                                                             |
| <b>XXIII. Lĩnh vực Đường bộ</b> (Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 15/8/2015, Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 31/1/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố) |                                                                                                                                                                                                                                     |                 |                                                             |
| 118.                                                                                                                                              | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                                                                                                                   | Phòng QLĐT      | Có QTNB của TP theo Quyết định 5395/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 |
| 119.                                                                                                                                              | Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                                                                                                           | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 120.                                                                                                                                              | Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                                                                                                       | Phòng QLĐT      |                                                             |
| 121.                                                                                                                                              | Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                                                                     | Phòng QLĐT      |                                                             |

| STT                                                                                  | Tên Quy trình                                                                                                                                                           | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|
| 122.                                                                                 | Cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè                                                                                                                               | Phòng QLĐT      |                                                            |
| <b>XXIV. Lĩnh vực Quy hoạch đô thị (Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 23/8/2021)</b>   |                                                                                                                                                                         |                 |                                                            |
| 123.                                                                                 | Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng                                                                                                                                | Phòng QLĐT      | Có QTNB của TP theo Quyết định 3353/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 |
| <b>XXV. Lĩnh vực Quy hoạch Kiến trúc (Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 28/7/2022)</b> |                                                                                                                                                                         |                 |                                                            |
| 124.                                                                                 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | Phòng QLĐT      |                                                            |
| 125.                                                                                 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện       | Phòng QLĐT      |                                                            |
| <b>XXVI. Lĩnh vực Hộ tịch (Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021)</b>  |                                                                                                                                                                         |                 |                                                            |
| 126.                                                                                 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                  | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 127.                                                                                 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                    | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 128.                                                                                 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                    | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 129.                                                                                 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                                                                          | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 130.                                                                                 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                    | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 131.                                                                                 | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                           | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 132.                                                                                 | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                       | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 133.                                                                                 | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                      | Phòng Tư pháp   |                                                            |

| STT                                                                                     | Tên Quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|
| 134.                                                                                    | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                     | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 135.                                                                                    | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                                                                                                                                  | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 136.                                                                                    | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                       | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 137.                                                                                    | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                       | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 138.                                                                                    | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                                       | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 139.                                                                                    | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc                                                                                                                                                                                                           | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 140.                                                                                    | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch)                                                               | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 141.                                                                                    | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                                                                                                                                                  | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| <b>XXVII. Lĩnh vực Chứng thực</b> (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018) |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |                                                            |
| 142.                                                                                    | Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận | Phòng Tư pháp   | Có QTNB của TP theo Quyết định 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 |
| 143.                                                                                    | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)                                         | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 144.                                                                                    | Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên của Phòng Tư pháp                                                                                                                                                                                                                | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 145.                                                                                    | Chứng thực chữ ký đối với người không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                                                                                                                                                                                       | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 146.                                                                                    | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                                                                                                   | Phòng Tư pháp   |                                                            |
| 147.                                                                                    | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                                                                                                                                                                   | Phòng Tư pháp   |                                                            |

| STT                                                                                                                                | Tên Quy trình                                                                                                                       | Phòng thực hiện                           | Ghi chú                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 148.                                                                                                                               | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                       | Phòng Tư pháp                             |                                                             |
| 149.                                                                                                                               | Cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                               | Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 |                                                             |
| XXVIII. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018)                                 |                                                                                                                                     |                                           |                                                             |
| 150.                                                                                                                               | Công nhận Báo cáo viên pháp luật quận, huyện                                                                                        | Phòng Tư pháp                             | Có QTNB của TP theo Quyết định 4826/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 |
| 151.                                                                                                                               | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật quận, huyện                                                                                       | Phòng Tư pháp                             |                                                             |
| XXIX. Lĩnh vực Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính (Quyết định số 6048/QĐ-UBND ngày 28/12/2018) |                                                                                                                                     |                                           |                                                             |
| 152.                                                                                                                               | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại                                    | Phòng Tư pháp                             | Có QTNB của TP theo Quyết định 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2020  |
| 153.                                                                                                                               | Phục hồi danh dự                                                                                                                    | Phòng Tư pháp                             |                                                             |
| 154.                                                                                                                               | Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải | Phòng Tư pháp –TTHC liên thông            | Có QTNB của TP theo Quyết định 4827/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 |
| XXX. Lĩnh vực Gia đình (Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)                                                                 |                                                                                                                                     |                                           |                                                             |
| 155.                                                                                                                               | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                                                    | Phòng VH TT                               | Có QTNB của TP theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019  |
| 156.                                                                                                                               | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                                                | Phòng VH TT                               |                                                             |
| 157.                                                                                                                               | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                                                    | Phòng VH TT                               |                                                             |
| 158.                                                                                                                               | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                             | Phòng VH TT                               |                                                             |

| STT                                                                                                                                                                                                               | Tên Quy trình                                                                                                               | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------|
| 159.                                                                                                                                                                                                              | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                 | Phòng VH TT     |                                                            |
| 160.                                                                                                                                                                                                              | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                                     | Phòng VH TT     |                                                            |
| <b>XXXI. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)</b>                                                                                                                                   |                                                                                                                             |                 |                                                            |
| 161.                                                                                                                                                                                                              | Đăng ký thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | Phòng VH TT     | Có QTNB của TP theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 |
| 162.                                                                                                                                                                                                              | Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương                                                                               | Phòng VH TT     |                                                            |
| 163.                                                                                                                                                                                                              | Đăng ký thủ tục công nhận “Khu phố văn hóa”                                                                                 | Phòng VH TT     |                                                            |
| 164.                                                                                                                                                                                                              | Đăng ký thủ tục công nhận lần đầu “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                        | Phòng VH TT     |                                                            |
| 165.                                                                                                                                                                                                              | Đăng ký thủ tục công nhận lại “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                            | Phòng VH TT     |                                                            |
| 166.                                                                                                                                                                                                              | Đăng ký thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”     | Phòng VH TT     |                                                            |
| <b>XXXII. Lĩnh vực Thư viện (Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)</b>                                                                                                                                       |                                                                                                                             |                 |                                                            |
| 167.                                                                                                                                                                                                              | Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1000 bản đến dưới 2000 bản            | Phòng VH TT     | Có QTNB của TP theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 |
| <b>XXXIII. Lĩnh vực hoạt động Chữ thập đỏ (Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 2/7/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố và Quyết định 59/QĐ/SYT ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh)</b> |                                                                                                                             |                 |                                                            |
| 168.                                                                                                                                                                                                              | Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                           | Phòng Y tế      |                                                            |
| 169.                                                                                                                                                                                                              | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm                                 | Phòng Y tế      |                                                            |
| <b>XXXIV. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 09/5/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)</b>                                                                                    |                                                                                                                             |                 |                                                            |
| 170.                                                                                                                                                                                                              | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống                           | Phòng Y tế      | Có QTNB của TP theo                                        |

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tên Quy trình                                                                                                                                                                | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                              |                 | Quyết định 1402/QĐ-UBND ngày 26/4/2021                      |
| <b>XXXV. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường</b> (Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015, Quyết định số 4018/QĐ-UBND ngày 30/9/2019, Quyết định số 4090/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố) |                                                                                                                                                                              |                 |                                                             |
| 171.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất | Phòng TN&MT     | Có QTNB của TP theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 |
| 172.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân                                                                   | Phòng TN&MT     |                                                             |
| 173.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cấp giấy phép môi trường                                                                                                                                                     | Phòng TN&MT     |                                                             |
| 174.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cấp đổi giấy phép môi trường                                                                                                                                                 |                 |                                                             |
| 175.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường                                                                                                                                          |                 |                                                             |
| 176.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cấp lại giấy phép môi trường                                                                                                                                                 |                 |                                                             |
| 177.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện                                                                                                   |                 |                                                             |
| 178.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành                                                                                               | Phòng TN&MT     |                                                             |
| 179.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành                                                                                                 | Phòng TN&MT     |                                                             |
| 180.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước                                                                                                                          | Phòng TN&MT     |                                                             |
| <b>XXXVI. Lĩnh vực Tiếp công dân và giải quyết Khiếu nại</b> (Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 23/6/2022, Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 05/6/2020, Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/8/2022)                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |                 |                                                             |
| 181.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tiếp công dân tại cấp huyện                                                                                                                                                  | VP UBND         |                                                             |
| 182.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Xử lý đơn tại cấp huyện                                                                                                                                                      | VP UBND         |                                                             |

| STT                                                                                                       | Tên Quy trình                                                 | Phòng thực hiện | Ghi chú                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|
| 183.                                                                                                      | Giải quyết khiếu nại lần đầu                                  | Thanh tra       |                                                             |
| 184.                                                                                                      | Giải quyết khiếu nại lần hai                                  | Thanh tra       |                                                             |
| 185.                                                                                                      | Giải quyết tố cáo cấp huyện                                   | Thanh tra       |                                                             |
| <b>XXXVII. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 17/6/2022)</b>                |                                                               |                 |                                                             |
| 186.                                                                                                      | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập                             | Thanh tra       |                                                             |
| 187.                                                                                                      | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình                          | Thanh tra       |                                                             |
| 188.                                                                                                      | Thủ tục thực hiện việc giải trình                             | Thanh tra       |                                                             |
| <b>XXXVIII. Lĩnh vực công sản (Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố)</b> |                                                               |                 |                                                             |
| 189.                                                                                                      | Điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị | Phòng TCKH      | Có QTNB của TP theo Quyết định 5301/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 |
| 190.                                                                                                      | Bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị         | Phòng TCKH      |                                                             |
| 191.                                                                                                      | Thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Phòng TCKH      |                                                             |